

Bản án số: 44/2018/HC-ST
Ngày 19-9-2018
V/v khiếu kiện Quyết hành chính
trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Huỳnh

Bà Đỗ Hồng Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Đại Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vẹn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 98/2018/TLST-HC ngày 18-5-2018 về khiếu kiện Quyết hành chính trong lĩnh vực đất đai, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 52/2018/QĐST-HC ngày 10/9/2018 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1977
Địa chỉ: Tổ 8, ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện C
Địa chỉ: Khu hành chính huyện C, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Công V là người đại diện theo pháp luật của người bị kiện (Chủ tịch UBND huyện C, vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Văn D chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện C (có mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Dương Văn Q, sinh năm 1959; địa chỉ: 21A2 đường L, Trung tâm Thương mại thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt).

3.2. Ông Lê Bá B, sinh năm 1976 và bà Võ Thị Thanh N, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: Thôn S, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (ông B có mặt, bà N vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 23-10-2017, ông Nguyễn Đức T nộp hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ địa chính số 150, diện tích 3.208,8m² thị trấn N, huyện C.

Ngày 14-11-2017, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C có văn bản trả lời trường hợp ông T không đủ điều kiện xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, lý do: thửa đất số 20 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Văn Q và ông Nguyễn Bá B (vợ là Võ Thị Thanh N).

Ông Nguyễn Đức T có đơn ghi ngày 16-12-2017 gửi UBND huyện đề nghị giải quyết việc cấp nhằm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Văn Q đối với phần diện tích mà gia đình ông đang trực tiếp canh tác sử dụng.

Ngày 28-3-2018, Phòng Tài nguyên và Môi trường tiến hành làm việc với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C; kết quả thể hiện: Bộ bản đồ địa chính đo đạc mới vào năm 2015 có sự chênh lệch lớn về hình thể, vị trí, diện tích các thửa đất so với các bộ bản đồ địa chính trước đây nên việc giải quyết biến động về quyền sử dụng đất phải thực hiện thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp. Tuy nhiên, căn cứ quy định của pháp luật đất đai hiện hành thì việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trong trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất chỉ được thực hiện khi có Bản án hoặc Quyết định của Tòa án nhân dân đã được thi hành.

Ngày 02-4-2018, UBND huyện C có văn bản số 942/UBND-TNMT về việc giải quyết đơn kiến nghị của ông Nguyễn Đức T. Văn bản thể hiện: “Đồng ý nội dung kiến nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 47/BC-TNMT ngày 30-3-2018 nêu trên. Yêu cầu Chủ tịch UBND thị trấn N hướng dẫn ông Nguyễn Đức T và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan liên hệ cơ quan Tòa án để được giải quyết vụ việc theo đúng quy định”.

Ngày 17-4-2018, ông Nguyễn Đức T có đơn khởi kiện yêu cầu: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T330181 đối với thửa 143, tờ bản đồ 39 (thửa mới là thửa 20, tờ bản đồ số 150) với diện tích 3.580m² do UBND huyện C cấp ngày 21-9-2001 cho ông Dương Văn Q và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO263574 đối với thửa 120 tờ bản đồ 39 với diện tích 6.064m² do UBND huyện C cấp ngày 25-9-2013 cho ông Lê Bá B và vợ là bà Võ Thị Thanh N; buộc UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T theo quy định pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện trình bày:

Gia đình ông T đang sinh sống và sử dụng diện tích đất 3.208,8m² thửa

đất số 20, tờ bản đồ địa chính số 150 thị trấn N, huyện C. Nguồn gốc đất do cha ông T là ông Nguyễn Đức Q khai phá từ năm 1978, có ranh giới rõ ràng. Đến năm 1998 ông Q tặng cho lại ông T, ông T sử dụng ổn định đến thời điểm hiện nay, không có tranh chấp, được Ủy ban nhân dân thị trấn N xác nhận.

Năm 2017, ông T làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới biết đất ông sử dụng đã bị cấp nhầm cho ông Dương Văn Q và ông Lê Bá B (vợ là bà Võ Thị Thanh N). Ông T được UBND huyện C giải thích việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trong trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất chỉ được thực hiện khi có Bản án hoặc Quyết định của Tòa án nhân dân đã được thi hành. Do đó ông T khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp nhầm cho ông Q, ông B.

Người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Phần diện tích liên quan đến nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Đức T thuộc thửa đất số 20 tờ bản đồ địa chính số 150 thị trấn N theo bộ hồ sơ địa chính năm 2015. Phần diện tích này đối chiếu với bộ hồ sơ địa chính năm 2009 là tương ứng với một phần diện tích thửa đất số 143 (cắt ra từ thửa đất số 113) và một phần diện tích thửa đất số 120 tờ bản đồ địa chính số 39 thị trấn N. Trong đó:

- Thửa đất số 143 đã được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 330181 ngày 21-9-2001 cho ông Dương Văn Q (vợ là bà Nguyễn Thị V) sau khi hoàn thành thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị S.

- Thửa đất số 120 đã được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 263574 ngày 25-9-2013 cho ông Lê Bá B và bà Võ Thị Thanh N sau khi hoàn thành thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Đức Th (vợ là bà Trương Thị Hồng Ng).

Đối với thửa đất số 143 (cắt ra từ thửa đất số 113):

- Thửa đất số 113 (cũ) tờ bản đồ địa chính số 39 thị trấn N có diện tích là 9.198m², mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm (cà phê); đã được UBND huyện C (cũ) cấp bổ sung vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 586364 ngày 09-9-1991 cho bà Nguyễn Thị S vào ngày 18-10-1993.

- Ngày 06-6-2001, UBND thị trấn N đã chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Bên chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị S với Bên nhận chuyển nhượng là ông Dương Văn Q (vợ là bà Nguyễn Thị V); diện tích đất thực hiện chuyển nhượng là 3.580m² thuộc thửa đất số 143 (cắt ra từ thửa đất số 113 cũ) tờ bản đồ địa chính số 39 thị trấn N.

Sau khi hoàn thành nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông Dương Văn Q đã được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 330181 ngày 21-9-2001.

- Thửa đất số 143 tờ bản đồ địa chính số 39 (theo bộ hồ sơ địa chính năm 2009) nay đối chiếu với bộ hồ sơ địa chính năm 2015 là tương ứng phần diện

tích được cắt ra từ các thửa đất số 20, 22, 23 tờ bản đồ địa chính số 150 thị trấn N theo Sơ đồ vị trí thửa đất lập ngày 04-9-2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Đối với thửa đất số 120:

- Thửa đất số 120 tờ bản đồ địa chính số 39 thị trấn N có diện tích 6.064m², mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm; đã được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 568732 ngày 02-6-2010 cho ông Nguyễn Đức Th (vợ là bà Trương Thị Hồng Ng).

- Ngày 26-8-2013, Văn phòng công chứng M đã công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Đức Th (vợ là bà Trương Thị Hồng Ng) với Bên nhận chuyển nhượng là ông Lê Bá B (vợ là bà Võ Thị Thanh N).

Sau khi hoàn thành thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông Lê Bá B (vợ là bà Võ Thị Thanh N) đã được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 263574 ngày 25-9-2013.

- Thửa đất số 120 tờ bản đồ địa chính số 39 (theo bộ hồ sơ địa chính năm 2009) nay đối chiếu với bộ hồ sơ địa chính năm 2015 là tương ứng phần diện tích được cắt ra từ các thửa đất số 20, 21, 23, 15 tờ bản đồ địa chính số 150 thị trấn N.

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Đức Th và quá trình giải quyết hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất đều được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vị trí, hình thể và diện tích các thửa đất có sự sai lệch giữa hiện trạng thực tế sử dụng với bản đồ địa chính.

Trước đây, ông Nguyễn Đức T đã có đơn ghi ngày 16-12-2017 gửi UBND huyện đề nghị thu hồi, hủy bỏ các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cấp nhầm cho ông Dương Văn Q và ông Lê Bá B (vợ là bà Võ Thị Thanh N) đối với phần diện tích đất nêu trên. Nhưng qua rà soát hồ sơ địa chính thì nội dung kiến nghị của ông Nguyễn Đức T không thuộc thẩm quyền của UBND huyện theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Do đó, UBND huyện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xem xét giải quyết công nhận quyền sử dụng cho chủ sử dụng đất hợp pháp; UBND huyện sẽ thực hiện nội dung các phần việc mà Bản án hoặc Quyết định của cơ quan Tòa án theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Bá B trình bày:

Diện tích đất ông B đã sử dụng ổn định, có ranh giới rõ ràng, phù hợp với bản đồ địa chính năm 2015 của hồ sơ nhà nước quản lý, cụ thể là thửa đất số 25, tờ bản đồ số 150, diện tích 5.165,6m².

Về nguồn gốc: diện tích này đã được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 568732 ngày 02-6-2010 cho ông Nguyễn Đức Th (vợ là bà Trương Thị Hồng Ng).

Ngày 26-8-2013, Văn phòng công chứng M đã công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Đức Th (vợ là bà Trương Thị Hồng Ng) với Bên nhận chuyển nhượng là vợ chồng ông B.

Sau khi hoàn thành thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông đã được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 263574 ngày 25-9-2013. Việc sử dụng đất của ông B là ổn định, có ranh giới rõ ràng, không có tranh chấp với ai.

Nay ý kiến của ông B đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T về việc hủy GCN QSD đất số BO 263574 ngày 25-9-2013 đã cấp cho ông B như sau: Do việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng với vị trí, diện tích đất ông B đang sử dụng nên ông B đồng ý việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp để thực hiện việc cấp lại theo đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn Q trình bày:

Ông Q đã được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 330181 ngày 21-9-2001 đối với thửa đất số 113 tờ bản đồ địa chính số 39 thị trấn N; diện tích này đã được UBND huyện C (cũ) cấp bổ sung vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 586364 ngày 09-9-1991 cho bà Nguyễn Thị S vào ngày 18-10-1993.

Ngày 06-6-2001, UBND thị trấn N đã chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Bên chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị S với Bên nhận chuyển nhượng là ông Q. Diện tích chuyển nhượng là 4.200m² tuy nhiên xã chỉ ghi nhận diện tích 3.500m² do có sai lệch về bản đồ.

Nay ông Q đề nghị Tòa giải quyết vụ án theo quy định, đất của ai thì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người đó theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T330181 và BO263574 do UBND huyện C cấp cho ông Q và vợ chồng ông B không đúng vị trí, hình thể và diện tích đất thực tế làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông T và những người được cấp giấy. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T330181 do UBND huyện C cấp ngày 21-9-2001 cho ông Dương Văn Q; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO263574 do UBND huyện C cấp ngày 25-9-2013 cho ông Lê Bá B và vợ là bà Võ Thị Thanh N; buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đức T theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn Q, bà Võ Thị Thanh N được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157, Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vắng mặt là đúng quy định.

[2] Về xác định đối tượng khởi kiện và thẩm quyền: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T330181 đối với thửa 143, tờ bản đồ 39 (thửa mới là thửa 20, tờ bản đồ số 150) với diện tích 3.580m² do UBND huyện C cấp ngày 21-9-2001 cho ông Dương Văn Q và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO263574 đối với thửa 120 tờ bản đồ 39 với diện tích 6.064m² do UBND huyện C cấp ngày 25-9-2013 cho ông Lê Bá B và vợ là bà Võ Thị Thanh N là quyết định hành chính và bị khiếu kiện nên là đối tượng khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 20-7-2016 ông Nguyễn Đức T có làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND thị trấn N xác nhận. Ngày 14-11-2017 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C có Văn bản số 31/CN.VPĐKĐĐ có văn bản trả lời về trường hợp ông Nguyễn Đức T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Văn Q và ông Lê Bá B. Ngày 17-4-2018 ông T có đơn khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[4] Về nội dung:

Ông T sử dụng diện tích đất 3.208,8m² thửa đất số 20, tờ bản đồ địa chính số 150 thị trấn N, huyện C có nguồn gốc đất do cha ông là ông Nguyễn Đức Q khai phá từ năm 1978, đến năm 1998 tặng cho lại ông T sử dụng ổn định đến nay, không có tranh chấp, phù hợp quy hoạch và được Ủy ban nhân dân thị trấn N xác nhận nên đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai.

Tại Văn bản ý kiến số 1918/UBND-TNMT ngày 29-6-2018 của Ủy ban nhân dân huyện C ghi nhận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T330181 đối với thửa 143, tờ bản đồ 39 (thửa mới là thửa 20, tờ bản đồ số 150) với diện tích 3.580m² do UBND huyện C cấp ngày 21-9-2001 cho ông Dương Văn Q và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO263574 đối với thửa 120 tờ bản đồ 39 với diện tích 6.064m² do UBND huyện C cấp ngày 25-9-2013 cho ông Lê Bá B và vợ là bà Võ Thị Thanh N có sự sai lệch về **vị trí, hình thể và diện tích các thửa đất** giữa hiện trạng thực tế sử dụng với bản đồ địa chính.

Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong

vụ án là ông Dương Văn Q, vợ chồng ông Lê Bá B bà Võ Thị Thanh N cũng đều cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng với vị trí, diện tích đất thực tế ông bà đang sử dụng.

Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng với hiện trạng thực tế sử dụng đất đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông T và những người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T330181 đối với thửa 143, tờ bản đồ 39 (thửa mới là thửa 20, tờ bản đồ số 150) với diện tích 3.580m² do UBND huyện C cấp ngày 21-9-2001 cho ông Dương Văn Q và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO263574 đối với thửa 120 tờ bản đồ 39 với diện tích 6.064m² do UBND huyện C cấp ngày 25-9-2013 cho ông Lê Bá B và vợ là bà Võ Thị Thanh N để Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện việc cấp giấy theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

Quan điểm của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm do yêu cầu được chấp nhận, UBND huyện C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;
- Căn cứ Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5, khoản 6 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ;
- Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T330181 đối với thửa 143, tờ bản đồ 39 (thửa mới là thửa 20, tờ bản đồ số 150) với diện tích 3.580m² do UBND huyện C cấp ngày 21-9-2001 cho ông Dương Văn Q.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO263574 đối với thửa 120 tờ bản đồ 39 với diện tích 6.064m² do UBND huyện C cấp ngày 25-9-2013 cho ông Lê Bá B và vợ là bà Võ Thị Thanh N.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đức T, ông Dương Văn Q, ông Lê Bá B và bà Võ Thị Thanh N theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Về án phí:

Ủy ban nhân dân huyện C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Đức T số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0001740 ngày 24-4-2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trung Dũng